

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẾ SƠN  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 05 - 3 - 2021  
V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Như Sứ;
2. Ông Nguyễn Công Tài.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 227/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1995. *Có mặt.*
2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1991. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn 2 (nay là thôn TH), xã QH, huyện QS, Quảng Nam.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 20/01/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T ghen tuông và đánh đập chị nhiều lần. Cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị và anh T đã sống ly thân hơn một năm nay. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu tên là Hoàng Xuân B, sinh ngày 07/11/2015. Chị tự nguyện giao con cho anh T nuôi dưỡng vì con đã ở với anh T và ông bà nội từ một tuổi đến nay.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Chị không trình bày và yêu cầu gì thêm.

*Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 18/11/2020, bị đơn - anh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với chị D về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị D quen người khác, không chăm lo cho con cái. Anh không muốn con bị thiệt thòi, thiếu cha mẹ nên chấp nhận sự việc nhưng chị D đã bỏ đi và vợ chồng không sống chung gần 02 năm nay. Chị D yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung như chị D trình bày. Anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Anh không trình bày và yêu cầu gì thêm.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Anh T cư trú tại thôn TH, xã QH, huyện QS, tỉnh Quảng Nam. Chị D yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp về “ly hôn, nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 20/01/2015 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị D và anh T chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo chị D trình bày là do không cùng quan điểm sống, anh T ghen tuông và đánh đập chị; theo anh T là do chị D quen người khác. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, anh T đồng ý ly hôn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[3]. Về con chung: Chị D thống nhất giao con cho anh T nuôi dưỡng. Việc giao con cho anh T nuôi dưỡng của chị Duyên là hoàn toàn tự nguyện và cháu B đã ở với anh T và ông bà nội từ lúc một tuổi cho đến nay. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu B, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu B cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ D về tranh chấp "ly hôn, nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Xuân B, sinh ngày 07/11/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 đồng mà chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001686 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05 - 3 - 2021), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (Giấy CNKH số 04 ngày 20/01/2015;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đa ký)**

**Nguyễn Trần Nguyên Vỹ**